

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

**Đã được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NVT)**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 29
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	10
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 – 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK - GP ngày 25/01/2008, điều chỉnh theo Giấy phép điều chỉnh lần 3 số 19/GPĐC – UBCK ngày 15/05/2013 với nội dung thay đổi trụ sở kinh doanh và Giấy phép điều chỉnh lần 4 số 34/GPĐC – UBCK ngày 07/08/2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật. Các giấy phép thay đổi và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép thành lập, hoạt động chính của công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 202, Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Tiến Đức	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Bà Mai Thị Minh Thu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong 6 tháng đầu năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/02/2015
Ông Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2015 và tại ngày lập báo cáo là ông Nguyễn Quang Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đồng thời ông Nguyễn Quang Anh cũng là người ký báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NVT) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo

đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2013/TT-BTC, ngày 05/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Anh



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số: 0807.01.01/2015/NVT-BCTC

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Chúng tôi đã tiến hành công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 7 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



[Handwritten signature of Lưu Thị Thúy Anh]

[Handwritten signature of Đào Duy Hưng]

Lưu Thị Thúy Anh

Đào Duy Hưng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0158-2014-124-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2017-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		101.366.107.086	101.269.376.622
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	79.269.372.060	23.327.936.773
111	1. Tiền		11.269.372.060	23.327.936.773
112	2. Các khoản tương đương tiền		68.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	05	14.515.646.367	44.496.265.853
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.548.949.091	47.024.762.091
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(33.302.724)	(2.528.496.238)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	06	7.163.235.096	32.907.733.921
132	2. Trả trước cho người bán	06.1	-	500.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		6.996.916.760	9.241.296.754
138	5. Các khoản phải thu khác	06.2	251.818.336	23.751.437.167
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	07	(85.500.000)	(85.500.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		417.853.563	537.440.075
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	08	417.853.563	518.486.246
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	09	-	18.953.829
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.235.472.278	2.535.190.045
220	II. Tài sản cố định		308.021.133	489.679.060
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	275.007.704	438.275.336
222	<i>Nguyên giá</i>		3.312.497.885	3.312.497.885
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(3.037.490.181)	(2.874.222.549)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	33.013.429	51.403.724
228	<i>Nguyên giá</i>		4.363.490.000	4.363.490.000
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(4.330.476.571)	(4.312.086.276)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.927.451.145	2.045.510.985
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	404.001.229	592.611.955
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	1.136.537.716	1.065.986.830
268	4. Tài sản dài hạn khác		386.912.200	386.912.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		103.601.579.364	103.804.566.667



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.237.767.508	5.128.888.811
310	I. Nợ ngắn hạn		3.237.767.508	5.128.888.811
313	3. Người mua trả tiền trước		82.500.000	107.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	25.715.639	119.613.489
315	5. Phải trả người lao động		6.619.244	18.528.757
316	6. Chi phí phải trả	15	85.173.193	123.271.323
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	1.234.569.432	1.677.134.581
320	10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	2.074.355.707	3.366.230.263
321	11. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		34.947.175	16.893.280
322	12. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	5.830.000
323	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(306.112.882)	(306.112.882)
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		100.363.811.856	98.675.677.856
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	100.363.811.856	98.675.677.856
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(50.852.414.390)	(52.540.548.390)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		103.601.579.364	103.804.566.667

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Chi tiêu	Mã số	30/06/2015	01/01/2015
6	Chứng khoán lưu ký	006	57.421.110.000	69.271.500.000
6.1	Chứng khoán giao dịch	007	56.570.350.000	69.096.840.000
	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	43.320.000	11.316.900.000
	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	56.527.030.000	57.779.940.000
6.5	Chứng khoán chờ thanh toán	027	825.230.000	135.500.000
	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	825.230.000	135.500.000
6.7	Chứng khoán chờ giao dịch	037	25.530.000	39.160.000
	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	60.000
	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	25.530.000	39.100.000
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	8.995.700.000	8.995.700.000

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2015



Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Lê Bích Thục

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	19	12.387.775.847	15.727.764.652
	<i>Trong đó:</i>			
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		131.982.227	919.369.583
	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		1.639.649.350	7.179.510.912
	- Doanh thu hoạt động tư vấn		8.422.727.273	4.200.000.000
	- Doanh thu khác		2.193.416.997	3.428.884.157
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh chứng khoán		12.387.775.847	15.727.764.652
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	8.071.854.604	3.422.825.087
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.315.921.243	12.304.939.565
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.627.236.508	2.546.124.067
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.688.684.735	9.758.815.498
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	22	550.735	42.975.583
40	13. Lợi nhuận khác		(550.735)	(42.975.583)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.688.134.000	9.715.839.915
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		1.688.134.000	9.715.839.915
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	113	648

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Bích Thực

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.688.134.000	9.715.839.915
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		181.657.927	1.179.209.067
03	Các khoản dự phòng		(2.495.193.514)	(903.331.898)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.653.066.347)	(3.393.125.342)
06	Chi phí lãi vay		-	222.139.167
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.278.467.934)	6.820.730.909
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		25.763.452.654	61.984.234.844
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		32.475.813.000	27.001.610.378
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.891.121.303)	(56.142.260.195)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		289.243.409	339.003.888
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(222.139.167)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(70.550.886)	(106.368.957)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.288.368.940	39.674.811.700
	II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận		3.653.066.347	3.393.125.342
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.653.066.347	3.393.125.342
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	48.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(48.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		55.941.435.287	43.067.937.042
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.327.936.773	36.618.706.950
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	79.269.372.060	79.686.643.992

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối năm	
		Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối năm	
		01/01/2014	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/06/2014	30/06/2015
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343	-	-	165.792.343	165.792.343
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903	-	-	1.050.433.903	1.050.433.903
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(55.495.200.135)	(52.540.548.390)	9.715.839.915	-	(45.779.360.220)	(50.852.414.390)
Cộng		95.721.026.111	98.675.677.856	9.715.839.915	-	105.436.866.026	100.363.811.856

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THÔNG TIN CHUNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK - GP ngày 25/01/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh theo Giấy phép điều chỉnh lần 3 số 19/GPĐC – UBCK ngày 15/05/2013 với nội dung thay đổi trụ sở kinh doanh và Giấy phép điều chỉnh lần 4 số 34/GPĐC – UBCK ngày 07/08/2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 202, Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định: 135.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Số lượng nhân viên của đơn vị tại ngày 30/06/2015 là: 18 người (tại ngày 31/12/2014 là 18 người).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Bộ Tài chính ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 sửa đổi bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau: “Doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy

định tại Quyết định số 15/2016/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc theo quy định tại Thông tư này”.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Công ty lập báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với các Công ty chứng khoán của Bộ Tài chính; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các văn bản liên quan khác.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

2.3. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hiện không yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

2.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá một năm (hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản do Công ty tự xác định và phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 – 8 năm
Tài sản cố định khác	5 năm
Phần mềm máy tính	Từ 3 – 8 năm

2.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các

khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công tác khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2011 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch: Giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư)



thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

- Trường hợp không thể xác định giá trị thực tế của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kinh doanh mà khoản chi phí thực tế phát sinh, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí đã thực tế phát sinh, có đầy đủ cơ sở xác định tin cậy về mặt giá trị nhưng chưa thực sự chắc chắn do chưa có xác nhận công nợ từ đối tác. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn vố phần, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu kinh doanh chứng khoán

Được xác định bằng số lượng chứng khoán đã bán, số lượng dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng (nhà đầu tư và các tổ chức khác) và đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác), hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán tự doanh, môi giới, lưu ký, chuyển khoản chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu của các loại hoạt động này chỉ coi là hoàn thành và ghi nhận doanh thu khi nhận được kết quả thực hiện giao dịch và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm LKCK.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Trong 6 tháng đầu năm 2015 công ty được chuyển lỗ từ năm trước sang bằng số lãi phát sinh trong kỳ nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

03. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	15.006.100	16.235.700
Tiền gửi ngân hàng	7.993.304.186	18.323.907.514
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	2.074.796.674	3.366.838.959
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.186.265.100	1.620.954.600
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng)	68.000.000.000	-
Cộng	79.269.372.060	23.327.936.773

04. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của công ty chứng khoán	1.127.370	32.475.813.000
- <i>Cổ phiếu</i>	1.127.370	32.475.813.000
Của nhà đầu tư	4.039.905	48.210.592.900
- <i>Cổ phiếu</i>	4.039.905	48.210.592.900
	5.167.275	80.686.405.900

05. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		So sánh với giá thị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường		Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015		30/06/2015		Tăng		Giảm		01/01/2015		30/06/2015		
	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015		30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015
I. Chứng khoán thương mại	2.031.260	903.902	47.024.762.091	14.548.949.091	8.866.398	9.920.533	(2.528.496.238)	(33.302.724)	44.505.132.251	44.505.132.251	14.525.566.900	14.525.566.900	
Cổ phiếu niêm yết	1.131.264	3.757	32.548.952.440	71.918.440	8.767.398	9.684.733	(2.526.136.238)	(28.727.073)	30.031.583.600	30.031.583.600	52.876.100	52.876.100	
- ACB	47	47	1.718.769	1.718.769	-	-	(994.969)	(755.269)	723.800	723.800	963.500	963.500	
- PVG	10	10	88.673	88.673	5.327	14.327	-	-	94.000	94.000	103.000	103.000	
- BHS	8	8	179.755	179.755	-	-	(88.555)	(72.555)	91.200	91.200	107.200	107.200	
- DNY	107	107	1.592.000	1.592.000	-	-	(1.024.900)	(917.900)	567.100	567.100	674.100	674.100	
- NHC	108	108	1.836.000	1.836.000	864.000	734.400	-	-	2.700.000	2.700.000	2.570.400	2.570.400	
- PET	8	8	155.879	155.879	9.721	-	-	(17.479)	165.600	165.600	138.400	138.400	
- PSC	120	120	3.168.000	3.168.000	-	-	(1.680.000)	(1.872.000)	1.488.000	1.488.000	1.296.000	1.296.000	
- SCJ	130	130	2.647.100	2.647.100	-	-	(1.347.100)	(1.477.100)	1.300.000	1.300.000	1.170.000	1.170.000	
- VIC	7	7	374.992	374.992	-	-	(41.092)	(70.492)	333.900	333.900	304.500	304.500	
- VNM	180.000	-	18.360.000.000	-	-	-	(1.170.000.000)	-	17.190.000.000	17.190.000.000	-	-	
- VSH	947.370	-	14.115.813.000	-	-	-	(1.326.318.000)	-	12.789.495.000	12.789.495.000	-	-	
- BVS	80	80	2.859.600	2.859.600	-	-	(1.771.600)	(1.643.600)	1.088.000	1.088.000	1.216.000	1.216.000	
- RCL	90	90	4.807.895	4.807.895	-	-	(2.467.895)	(2.431.895)	2.340.000	2.340.000	2.376.000	2.376.000	
- SD7	94	94	2.904.600	2.904.600	-	-	(1.833.000)	(1.983.400)	1.071.600	1.071.600	921.200	921.200	
- VC6	87	87	2.069.158	2.069.158	-	-	(1.390.558)	(1.347.058)	678.600	678.600	722.100	722.100	
- Cổ phiếu khác	2.998	2.861	48.737.019	47.516.019	7.888.350	8.936.006	(17.178.569)	(16.138.325)	39.446.800	39.446.800	40.313.700	40.313.700	
Cổ phiếu trên sàn Upcom	190	386	2.905.800	5.470.851	99.000	235.800	(2.360.000)	(4.575.651)	644.800	644.800	1.131.000	1.131.000	
- SIM	82	82	2.009.000	2.009.000	-	-	(1.877.800)	(1.861.400)	131.200	131.200	147.600	147.600	
- PVA	-	45	-	987.358	-	-	-	(901.858)	-	-	85.500	85.500	
- VSP	-	101	-	902.300	-	-	-	(740.700)	-	-	161.600	161.600	
- Cổ phiếu khác	108	158	896.800	1.572.193	99.000	235.800	(482.200)	(1.071.693)	513.600	513.600	736.300	736.300	
Cổ phiếu sàn OTC, cổ phiếu bị hủy niêm yết	899.806	899.759	14.472.903.851	14.471.559.800	-	-	-	-	14.472.903.851	14.472.903.851	14.471.559.800	14.471.559.800	
- CTIN2	24.570	24.570	469.570.000	469.570.000	-	-	-	-	469.570.000	469.570.000	469.570.000	469.570.000	
- TECHCOMBANK	875.000	875.000	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	
- Cổ phiếu bị hủy niêm yết	236	189	3.333.851	1.989.800	-	-	-	-	3.333.851	3.333.851	1.989.800	1.989.800	
Cộng	2.031.260	903.902	47.024.762.091	14.548.949.091	8.866.398	9.920.533	(2.528.496.238)	(33.302.724)	44.505.132.251	44.505.132.251	14.525.566.900	14.525.566.900	

06. Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2015			Số phát sinh			30/06/2015			Số dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
1. Trả trước cho người bán	500.000	-	-	-	500.000	-	-	-	-	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	9.241.296.754	-	-	493.600.200	2.737.980.194	6.996.916.760	-	-	-	
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	-	-	-	493.600.200	146.683.440	346.916.760	-	-	-	
Phải thu khác (tỷ thác đầu tư)	9.000.000.000	-	-	-	2.350.000.000	6.650.000.000	-	-	-	
Phải thu cho vay giao dịch ký quỹ	241.296.754	-	-	-	241.296.754	-	-	-	-	
3. Các khoản phải thu khác	23.751.437.167	-	85.500.000	7.607.637.462	31.107.256.293	251.818.336	-	85.500.000	85.500.000	
Ứng trước tiền mua chứng khoán FPT	23.500.000.000	-	-	-	23.500.000.000	-	-	-	-	
Khoản phải thu khác	251.437.167	-	85.500.000	7.607.637.462	7.607.256.293	251.818.336	-	85.500.000	85.500.000	
	32.993.233.921		85.500.000	8.101.237.662	33.845.736.487	7.248.735.096		85.500.000	85.500.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
06.1 Trả trước cho người bán		
Các khoản khác	-	500.000
	-	500.000
06.2 Các khoản phải thu khác		
Ứng trước tiền mua cổ phiếu FPT	-	23.500.000.000
Dự thu tiền lãi và phí	166.318.336	91.237.167
Phải thu khác	85.500.000	160.200.000
	251.818.336	23.751.437.167
07. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Số dư đầu kỳ	(85.500.000)	(85.500.000)
Tăng dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(85.500.000)	(85.500.000)
08. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí bảo trì phần mềm	161.879.169	493.706.726
Phí dịch vụ thuê ngoài	194.974.396	24.779.520
Chi phí khác	60.999.998	-
	417.853.563	518.486.246
09. Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	18.953.829
	-	18.953.829
10. Tài sản cố định hữu hình		
Chỉ tiêu	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	3.312.497.885	3.312.497.885
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	3.312.497.885	3.312.497.885
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	2.874.222.549	2.874.222.549
Số tăng trong kỳ	163.267.632	163.267.632
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	163.267.632	163.267.632
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	3.037.490.181	3.037.490.181
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	438.275.336	438.275.336
Tại ngày cuối kỳ	275.007.704	275.007.704

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 700.215.800 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 đồng.

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.363.490.000	4.363.490.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	4.363.490.000	4.363.490.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	4.312.086.276	4.312.086.276
Số tăng trong kỳ	18.390.295	18.390.295
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	18.390.295	18.390.295
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	4.330.476.571	4.330.476.571
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	51.403.724	51.403.724
Tại ngày cuối kỳ	33.013.429	33.013.429

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.108.090.000 đồng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ	14.079.218	63.927.968
Chi phí cải tạo văn phòng	347.947.467	521.921.212
Chi phí khác	41.974.544	6.762.775
	404.001.229	592.611.955

13. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	654.012.137	644.657.967
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	362.525.579	301.328.863
	1.136.537.716	1.065.986.830

14.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	225.862	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.489.777	119.613.489
	25.715.639	119.613.489

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
	VND	VND

14.2 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần trước thuế	1.688.134.000	9.715.839.915
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	1.688.134.000	9.715.839.915
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.688.134.000)	(9.715.839.915)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại 30/06/2015	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả tại 30/06/2015	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	30/06/2015	01/01/2015
15. Chi phí phải trả	VND	VND
Phí kiểm toán	30.000.000	30.000.000
Chi phí phải trả khác	55.173.193	93.271.323
	85.173.193	123.271.323
16. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.360.841	14.236.490
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.186.265.100	1.620.954.600
Phải trả, phải nộp khác	41.943.491	41.943.491
	1.234.569.432	1.677.134.581
17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	2.074.355.707	3.366.230.263
	2.074.355.707	3.366.230.263
18. Vốn chủ sở hữu		
a. Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu (Chi tiết trang 11)		
b. Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong năm như sau:	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
	VND	VND
Vốn cổ phần đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã tạm chia	-	-
c. Cổ phiếu	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	131.982.227	919.369.583
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.639.649.350	7.179.510.912
Doanh thu hoạt động tư vấn	8.422.727.273	4.200.000.000
Doanh thu khác	2.193.416.997	3.428.884.157
- <i>Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay</i>	1.803.915.232	657.572.579
- <i>Lãi thu từ cho vay giao dịch ký quỹ</i>	5.664.549	50.136.522
- <i>Phí ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	-	81.800.905
- <i>Khác</i>	383.837.216	2.639.374.151
	12.387.775.847	15.727.764.652

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

20. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	6 tháng	6 tháng
	đầu năm nay	đầu năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	114.780.740	218.567.855
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.231.581.000	1.898.750.000
Chi phí hoạt động tư vấn	8.218.181.818	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	38.127.793	50.898.333
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.495.193.514)	(903.331.898)
Chi phí khác	964.376.767	2.157.940.797
- Phí phạt hợp đồng đặt cọc môi giới	-	100.000.000
- Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	11.125.412	18.422.756
- Lãi vay trong kỳ	-	222.139.167
- Ủy thác đầu tư	32.738.889	-
- Khác	920.512.466	1.817.378.874
	8.071.854.604	3.422.825.087

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng	6 tháng
	đầu năm nay	đầu năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	844.741.280	777.848.623
Chi phí vật liệu	3.513.000	3.134.156
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	56.889.551	73.353.254
Chi phí khấu hao TSCĐ	173.300.785	179.218.141
Thuế, phí, lệ phí	115.039.266	91.501.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.342.402.803	1.345.520.101
Chi phí khác	91.349.823	75.547.843
	2.627.236.508	2.546.124.067

22. Chi phí khác	6 tháng	6 tháng
	đầu năm nay	đầu năm trước
	VND	VND
Khấu hao tài sản không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	-	42.975.583
Chi phí khác	550.735	-
	550.735	42.975.583

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng	6 tháng
	đầu năm nay	đầu năm trước
	VND	VND
a. Lợi nhuận sau thuế	1.688.134.000	9.715.839.915
b. Trừ lợi nhuận phân chia cho các đối tác hợp tác kinh doanh	-	-
c. Lợi nhuận còn lại (c = a - b)	1.688.134.000	9.715.839.915
d. Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (e = c / d)	113	648

24. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	131.982.227	1.639.649.350	8.422.727.273	-	2.193.416.997	12.387.775.847
Chi phí bộ phận trực tiếp	(114.780.740)	1.263.612.514	(8.218.181.818)	(38.127.793)	(964.376.767)	(8.071.854.604)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(2.627.787.243)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.201.487	2.903.261.864	204.545.455	(38.127.793)	1.229.040.230	1.688.134.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	10.261.424.239	22.523.956.653	-	-	68.166.318.336	100.951.699.228
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	2.649.880.136
Tổng tài sản	10.261.424.239	22.523.956.653	-	-	-	103.601.579.364
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.114.061.445	-	7.500.000	5.000.000	-	2.126.561.445
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	960.791.433
Tổng nợ phải trả	2.114.061.445	-	7.500.000	5.000.000	-	3.087.352.878

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý: Trong 6 tháng đầu năm 2015, Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty phát sinh tại trụ sở chính.



25. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

26. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

27. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital thực hiện theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, các khoản ký quỹ và các khoản vay.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

+ Độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;

+ Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

Tiền gửi ngân hàng

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	Nợ dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2015			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.074.355.707	-	2.074.355.707
Chi phí phải trả	85.173.193	-	85.173.193
Phải trả khác	1.234.569.432	-	1.234.569.432
Cộng	3.394.098.332	-	3.394.098.332
Tại 01/01/2015			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.366.230.263	-	3.366.230.263
Chi phí phải trả	123.271.323	-	123.271.323
Phải trả khác	1.677.134.581	-	1.677.134.581
Cộng	5.166.636.167	-	5.166.636.167

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các chủ nợ hiện tại.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Nợ dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2015			
Tiền, các khoản tương đương tiền	79.269.372.060	-	79.269.372.060
Đầu tư ngắn hạn	14.515.646.367	-	14.515.646.367
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.996.916.760	-	6.996.916.760
Phải thu khác	166.318.336	-	166.318.336
Cộng	100.948.253.523	-	100.948.253.523

Tại 01/01/2015

Tiền, các khoản tương đương tiền	23.327.936.773	-	23.327.936.773
Đầu tư ngắn hạn	44.496.265.853	-	44.496.265.853
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	9.241.296.754	-	9.241.296.754
Phải thu khác	23.665.937.167	-	23.665.937.167
Cộng	100.731.436.547		100.731.436.547

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị thuần
	Nguyên giá VND	Dự phòng VND	
Tại 30/06/2015			VND
Tiền, các khoản tương đương tiền	79.269.372.060	-	79.269.372.060
Đầu tư ngắn hạn	14.548.949.091	(33.302.724)	14.515.646.367
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.996.916.760	-	6.996.916.760
Phải thu khác	251.818.336	(85.500.000)	166.318.336
Cộng	101.067.056.247	(118.802.724)	100.948.253.523

Tại 01/01/2015

Tiền, các khoản tương đương tiền	23.327.936.773	-	23.327.936.773
Đầu tư ngắn hạn	47.024.762.091	(2.528.496.238)	44.496.265.853
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	9.241.296.754	-	9.241.296.754
Phải thu khác	23.751.437.167	(85.500.000)	23.665.937.167
Cộng	103.345.432.785	(2.613.996.238)	100.731.436.547

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.074.355.707	3.366.230.263
Chi phí phải trả	85.173.193	123.271.323
Phải trả khác	1.234.569.432	1.677.134.581
Cộng	3.394.098.332	5.166.636.167

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

28. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2015

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương và thưởng

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
	VND	VND
	463.300.000	449.300.000

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trang

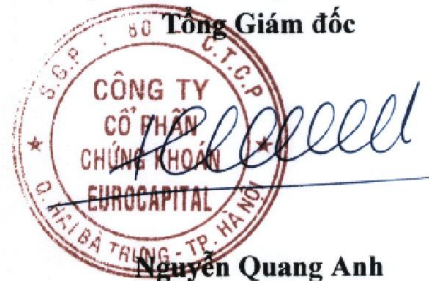
Kế toán trưởng



Lê Bích Thực

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh

